

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2023/HS-PT**
Ngày 10/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Các Thẩm phán: Bà **Dương Thị Hồng Minh**

Bà **Đỗ Thị Thúy Năng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Từ Văn Hoàng Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Bạch Tuyết** - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị A, Lê Thị B do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 121/2022/HS-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị A (Tên gọi khác: Không), sinh ngày xx/xx/19xx tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn x xã VB, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Nhân viên công ty xuất khẩu lao động; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Thế L và bà Võ Thị H; Bị cáo chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị B (Tên gọi khác: Không), sinh ngày xx/xx/19xx tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ xx phường H, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Huấn luyện viên Gym; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hồng D và bà Chu Thị D; Bị cáo có chồng là Dương Trường B (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 4 năm 2021 đến tháng 9 năm 2021, thông qua mạng xã hội Facebook, một đối tượng sử dụng tài khoản Facebook (chưa xác định) liên hệ, trao đổi với Nguyễn Thị A đăng ký mở tài khoản ngân hàng rồi bán cho đối tượng này với giá 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng để đối tượng này sử dụng vào mục đích Quảng cáo, giao dịch trong Game tiền ảo và nạp thẻ Game Mobile. Nguyễn Thị A đồng ý rồi trực tiếp mở các tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Thị A và nói người thân đăng ký mở tổng cộng 17 tài khoản Ngân hàng rồi bán cho đối tượng này nhằm thu lợi 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng với hình thức gửi các thông tin tài khoản ngân hàng cho người tên “Triển” ở địa chỉ: xx Ngõ Gia Tự, quận B, thành phố Hà Nội rồi nhận chuyển khoản hoặc Shipper (người giao hàng) đến nhận rồi thanh toán tiền trực tiếp.

Cũng trong thời gian này, thông qua mạng xã hội Facebook, Nguyễn Thị A sử dụng tài khoản Facebook “K.A” nhắn tin cho Lê Thị B sử dụng tài khoản Facebook “T.B” về việc A cần có nhiều tài khoản ngân hàng để giao dịch làm quảng cáo, giao dịch trong Game tiền ảo và nạp thẻ game mobile. A trao đổi với B muốn có tiền thì đăng ký mở tài khoản ngân hàng đưa cho A, A sẽ trả 700.000 đồng/tài khoản/tháng. Do cũng đang cần tiền tiêu xài nên B đồng ý rồi thực hiện việc trực tiếp mở tài khoản ngân hàng và B nói người quen, bạn bè, người thân đăng ký mở tài khoản Ngân hàng đứng tên họ sau đó giao lại thẻ sim số thuê bao dùng để đăng ký, tài khoản ngân hàng (số tài khoản, tên đăng nhập, mật khẩu, mã OTP), thẻ tài khoản ngân hàng (thẻ ATM), gmail cho B để B giao lại cho A. Từ tháng 5/2021 đến tháng 9/2021, B tự mở tài khoản ngân hàng đứng tên Lê Thị B, nói người quen, bạn bè, người thân đăng ký mở tổng cộng 66 tài khoản Ngân hàng rồi bán lại cho A để A bán cho đối tượng trên. B được A trả cho số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng. B trả cho các chủ tài khoản số tiền 400.000 đồng/tài khoản/tháng, hưởng lợi 300.000 đồng/tài khoản/tháng. Cụ thể như sau:

* Từ tháng 5/2021 – tháng 9/2021, Nguyễn Thị A trực tiếp mở 05 tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Thị A rồi bán cho đối tượng trên với số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng.

* Từ tháng 5/2021 – tháng 9/2021, bà Võ Thị H là mẹ ruột của A, đăng ký mở 07 tài khoản ngân hàng mang tên Võ Thị H rồi đưa cho A. Nguyễn Thị A bán cho đối tượng trên 07 tài khoản này với số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng. Vì là người nhà nên bà Võ Thị H không nhận hưởng lợi, chỉ lập hộ tài khoản.

* Từ tháng 5/2021 – tháng 9/2021, ông Nguyễn Thế P là em ruột của A đăng ký mở 05 tài khoản ngân hàng mang tên Nguyễn Thế P rồi đưa cho A. Nguyễn Thị A bán cho đối tượng trên 05 tài khoản này với giá 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng. Vì là người nhà nên anh Nguyễn Thế Phú không nhận hưởng lợi, chỉ lập hộ tài khoản.

* Từ tháng 5/2021 – tháng 9/2021, Lê Thị B đã đăng ký mở 09 tài khoản ngân hàng mang tên Lê Thị B để bán cho A; trong đó B thu lợi bất chính từ việc bán các tài

khoản ngân hàng cho A với số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng. A tiếp tục bán 09 tài khoản này cho đối tượng trên với số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng, thu lợi bất chính 300.000 đồng/01 tài khoản/01 tháng.

* Từ tháng 7/2021 – tháng 9/2021, bà Bùi Thị Thanh M là bạn đồng hương của B, đăng ký mở 07 tài khoản ngân hàng đứng tên Bùi Thị Thanh M bán cho B để tiếp tục bán cho A. A bán các tài khoản ngân hàng này cho đối tượng trên được số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng; A trả cho B số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng; B trả cho Bùi Thị Thanh M số tiền 400.000 đồng/tài khoản/tháng, B hưởng lợi 300.000 đồng/tài khoản/tháng. Thực tế, Bùi Thị Thanh M đã nhận được số tiền 2.950.000 đồng từ B chi trả.

* Từ tháng 7/2021 – tháng 9/2021, ông Trần Quốc T là bạn đồng nghiệp của B tại phòng tập gym, đăng ký mở 08 tài khoản ngân hàng đứng tên Trần Quốc T bán cho B để tiếp tục bán cho A. A bán các tài khoản ngân hàng này cho đối tượng trên được số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng; A trả cho B số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng; B trả cho Trần Quốc T số tiền 400.000 đồng/tài khoản/tháng, B hưởng lợi 300.000 đồng/tài khoản/tháng. Thực tế, Trần Quốc T đã nhận được số tiền 1.600.000 đồng từ B chi trả.

* Từ tháng 5/2021 – tháng 9/2021, bà Nguyễn Chi N là bạn đồng nghiệp của B tại phòng tập gym đăng ký mở 06 tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Chi N bán cho B để tiếp tục bán cho A. A bán các tài khoản ngân hàng này cho đối tượng trên được số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng; A trả cho B số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng; B trả cho Nguyễn Chi N số tiền 400.000 đồng/tài khoản/tháng, B hưởng lợi 300.000 đồng/tài khoản/tháng. Thực tế, Nguyễn Chi N đã nhận được số tiền 2.700.000 đồng từ B chi trả.

* Từ tháng 6/2021 – tháng 9/2021, bà Nguyễn Thị Như Q là học viên cũ tập gym của B, đăng ký mở 05 tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Thị Như Q bán cho B để tiếp tục bán cho A. A bán các tài khoản ngân hàng này cho đối tượng trên được số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng; A trả cho B số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng; B trả cho Nguyễn Thị Như Q số tiền 400.000 đồng/tài khoản/tháng, B hưởng lợi 300.000 đồng/tài khoản/tháng. Thực tế, Q đã nhận được số tiền 3.400.000 đồng từ B chi trả.

* Từ tháng 6/2021 – tháng 9/2021, bà Đặng Thanh T1 là học viên cũ tập gym của B, đăng ký mở 08 tài khoản ngân hàng đứng tên Đặng Thanh T1 bán cho B để tiếp tục bán cho A. A bán các tài khoản ngân hàng này cho đối tượng trên được số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng; A trả cho B số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng; B trả cho Đặng Thanh T1 số tiền 400.000 đồng/tài khoản/tháng, B hưởng lợi 300.000 đồng/tài khoản/tháng. Thực tế, T1 đã nhận được số tiền 3.400.000 đồng từ B chi trả.

* Từ tháng 6/2021 – tháng 9/2021, bà Vũ Thị Thùy T2 là bạn quen biết của B, đăng ký mở 06 tài khoản ngân hàng đứng tên Vũ Thị Thùy T2 bán cho B để tiếp tục bán cho A. A bán các tài khoản ngân hàng này cho đối tượng trên được số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng; A trả cho B số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng; B trả cho Vũ Thị Thùy T2 số tiền 400.000 đồng/tài khoản/tháng, B hưởng lợi 300.000 đồng/tài khoản/tháng. Thực tế, T2 đã nhận được số tiền 2.400.000 đồng từ B chi trả.

* Từ tháng 6/2021 – tháng 9/2021, bà Lê Quỳnh T3 là em họ của B, đăng ký mở 05 tài khoản ngân hàng đứng tên Lê Quỳnh T3 bán cho B để tiếp tục bán cho A. A bán các tài khoản ngân hàng này cho đối tượng trên được số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng; A trả cho B số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng; B trả cho Lê Quỳnh T3 số tiền 400.000 đồng/tài khoản/tháng, B hưởng lợi 300.000 đồng/tài khoản/tháng. Thực tế, T3 đã nhận được 1.400.000 đồng từ B chi trả.

* Từ tháng 7/2021 – tháng 9/2021, bà Nguyễn Mai Như Q1 là học viên cũ tập gym của B, đăng ký mở 04 tài khoản ngân hàng đứng tên Nguyễn Mai Như Q1 bán cho B để tiếp tục bán cho A. A bán các tài khoản ngân hàng này cho đối tượng trên được số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng; A trả cho B số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng; B hứa hẹn sẽ dạy tập gym miễn phí cho Q1 nên Q1 không nhận tiền từ B. Nhưng trên thực tế thì Q1 chưa được nhận dạy miễn phí.

* Từ tháng 6/2021 – tháng 9/2021, ông Dương Trường B1 là chồng của B, đăng ký mở 05 tài khoản ngân hàng đứng tên Dương Trường B1 rồi đưa cho B để bán cho A. A bán các tài khoản ngân hàng này cho đối tượng trên được số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng. A trả cho B số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng. B1 không nhận hưởng lợi từ B vì B1 là chồng cũ của B, B1 nghĩ giúp B công việc làm ăn.

* Từ tháng 5/2021, bà Chu Thị D là mẹ ruột của B, đăng ký mở 03 tài khoản ngân hàng đứng tên Chu Thị D rồi đưa cho B để tiếp tục bán cho A. A bán các tài khoản ngân hàng này cho đối tượng trên được số tiền 1.000.000 đồng/tài khoản/tháng. A trả cho B số tiền 700.000 đồng/tài khoản/tháng. Vì D là mẹ ruột của B nên nghĩ giúp con công việc làm ăn, không nhận hưởng lợi từ B.

Như vậy Nguyễn Thị A đã mua bán trái phép tổng cộng 83 thông tin về tài khoản ngân hàng, Lê Thị B đã mua bán trái phép tổng cộng 66 thông tin về tài khoản ngân hàng.

Về số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Thị A và Lê Thị B, qua lời khai của A, B, những người liên quan và các tài liệu chứng cứ có trong vụ án xác định được như sau:

* Đối với Nguyễn Thị A:

- Thu lợi bất chính từ việc lập, lấy tài khoản ngân hàng của người thân để bán cho các đối tượng mua tài khoản ngân hàng với số tiền 1.000.000 đồng/01 tài khoản/01 tháng, thu lợi bất chính số tiền 73.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

+ Tháng 5/2021: A bán 05 tài khoản ngân hàng cho các đối tượng mua tài khoản ngân hàng thu lợi bất chính 5.000.000 đồng.

+ Tháng 6/2021: A bán 17 tài khoản ngân hàng cho các đối tượng mua tài khoản ngân hàng thu lợi bất chính 17.000.000 đồng.

+ Tháng 7/2021: A bán 17 tài khoản ngân hàng cho các đối tượng mua tài khoản ngân hàng thu lợi bất chính 17.000.000 đồng.

+ Tháng 8/2021: A bán 17 tài khoản ngân hàng cho các đối tượng mua tài khoản ngân hàng thu lợi bất chính 17.000.000 đồng.

+ Tháng 9/2021: A bán 17 tài khoản ngân hàng cho các đối tượng mua tài khoản ngân hàng thu lợi bất chính 17.000.000 đồng.

- Thu lợi bất chính từ việc mua các tài khoản ngân hàng của Lê Thị B với số tiền 700.000 đồng/01 tài khoản/01 tháng rồi bán cho các đối tượng mua tài khoản ngân hàng với số tiền 1.000.000 đồng/01 tài khoản/01 tháng hưởng lợi 300.000 đồng/01 tài khoản/01 tháng, thu lợi bất chính số tiền 41.100.000 đồng. Cụ thể như sau:

+ Tháng 6/2021: A mua 08 tài khoản ngân hàng của B rồi bán cho các đối tượng mua tài khoản ngân hàng thu lợi bất chính 2.400.000 đồng

+ Tháng 7/2021: A mua 22 tài khoản ngân hàng của B rồi bán cho các đối tượng mua tài khoản ngân hàng thu lợi bất chính 6.600.000 đồng

+ Tháng 8/2021: A mua 43 tài khoản ngân hàng của B rồi bán cho các đối tượng mua tài khoản ngân hàng thu lợi bất chính 12.900.000 đồng

+ Tháng 9/2021: A mua 64 tài khoản ngân hàng của B rồi bán cho các đối tượng mua tài khoản ngân hàng thu lợi bất chính 19.200.000 đồng

Như vậy, Nguyễn Thị A thu lợi bất chính tổng cộng số tiền 114.100.000 đồng.

* Đối với Lê Thị B:

- Theo thỏa thuận, Lê Thị B bán cho Nguyễn Thị A các tài khoản ngân hàng với số tiền 700.000 đồng/01 tài khoản/ tháng, thu lợi bất chính số tiền 95.900.000 đồng. Cụ thể:

+ Tháng 6/2021: B mua 08 tài khoản ngân hàng rồi bán cho A thu lợi bất chính 5.600.000 đồng

+ Tháng 7/2021: B mua 22 tài khoản ngân hàng rồi bán cho A thu lợi bất chính 15.400.000 đồng

+ Tháng 8/2021: B mua 43 tài khoản ngân hàng rồi bán cho A thu lợi bất chính 30.100.000 đồng

+ Tháng 9/2021: B mua 66 tài khoản ngân hàng rồi bán cho A (bên mua chỉ sử dụng và trả tiền 64 tài khoản) thu lợi bất chính 44.800.000 đồng.

- Theo thỏa thuận, B trả cho chủ các tài khoản ngân hàng mà B đã mua với số tiền 400.000 đồng/ 01 tài khoản/01 tháng. Nhưng thực tế, Lê Thị B đã chỉ trả tổng cộng 17.850.000 đồng cho chủ các tài khoản ngân hàng mà B đã mua như sau:

+ Bùi Thị Thanh M: 2.950.000 đồng;

+ Nguyễn Chi N: 2.700.000 đồng;

+ Nguyễn Thị Như Q: 3.400.000 đồng;

+ Đặng Thanh T1: 3.400.000 đồng;

- + Vũ Thị Thùy T2: 2.400.000 đồng;
- + Lê Quỳnh T3: 1.400.000 đồng;
- + Trần Quốc T: 1.600.000 đồng

(Riêng Chu Thị D, Dương Trường B1 chỉ lập tài khoản rồi đưa cho B nhưng không lấy tiền; Nguyễn Mai Như Q1 cũng chưa nhận được tiền của B)

Như vậy, Lê Thị B đã thu lợi bất chính số tiền 78.050.000 đồng.

*** *Vật chứng tạm giữ:***

- 01 (một) điện thoại Iphone 11 (Số máy: MWHUxxx/x; số serial: F4HD52TJxxxx; số IMEI: 35680111123xxxx), gắn sim số thuê bao 098661xxxx – là điện thoại của Lê Thị B sử dụng để liên lạc trao đổi, hướng dẫn, mua bán, nhờ lập hộ tài khoản ngân hàng.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97043100132xxxxx mang tên Đặng Thanh T mở tại ngân hàng Eximbank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97044168899805xxxxx mang tên Đặng Thanh T mở tại ngân hàng VIB.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97041624662xxxxx mang tên Đặng Thanh T mở tại ngân hàng ACB.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97041501108xxxxx mang tên Đặng Thanh T mở tại ngân hàng Vietinbank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97040799840xxxxx mang tên Đặng Thanh T mở tại ngân hàng Techcombank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97043100132xxxxx mang tên Lê Thị B mở tại ngân hàng Eximbank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 40890410285xxxxx mang tên Lê Thị B mở tại ngân hàng MB.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97044168596715xxxxx mang tên Nguyễn Chi N mở tại ngân hàng VIB.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97042313902xxxxx mang tên Trần Quốc T mở tại ngân hàng TPBank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97040799663xxxx mang tên Trần Quốc T mở tại ngân hàng Techcombank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 42210932317xxxx mang tên Trần Quốc T mở tại ngân hàng ACB.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 42210940038xxxxx mang tên Vũ Thị Thùy T2 mở tại ngân hàng ACB.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97040799484xxxxx mang tên Vũ Thị Thùy T2 mở tại ngân hàng Techcombank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97042220277xxxxx mang tên Vũ Thị Thùy T2 mở tại ngân hàng MB.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97040302796xxxxx mang tên Nguyễn Thị Như Q1 mở tại ngân hàng Sacombank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97041624644xxxxx mang tên Nguyễn Mai Như Q1 mở tại ngân hàng ACB.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97041624661xxxxx mang tên Bùi Thị Thanh M mở tại ngân hàng ACB.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97040302693xxxxx mang tên Bùi Thị Thanh M mở tại ngân hàng Sacombank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 46658490206xxxxx mang tên Bùi Thị Thanh M mở tại ngân hàng TPBank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97040799944xxxxx mang tên Dương Trường B1 mở tại ngân hàng Techcombank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97043686702424xxxxx mang tên Dương Trường B1 mở tại ngân hàng Vietcombank.

- 01 (một) thẻ tài khoản số thẻ 97041501098xxxxx mang tên Dương Trường B1 mở tại ngân hàng Vietinbank.

- Số tiền 37.850.000 đồng. Trong đó: 17.850.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính do 07 người liên quan tự nguyện giao nộp (Bùi Thị Thanh M: 2.950.000 đồng; Nguyễn Chi N: 2.700.000 đồng; Nguyễn Thị Như Q: 3.400.000 đồng; Đặng Thanh T1: 3.400.000 đồng; Vũ Thị Thùy T2: 2.400.000 đồng; Lê Quỳnh T3: 1.400.000 đồng; Trần Quốc T: 1.600.000 đồng); bị can Nguyễn Thị A đã tự nguyện giao nộp 10.000.000 đồng; bị can Lê Thị B đã tự nguyện giao nộp 10.000.000 đồng.

* Số tiền tạm giữ từ việc rút từ các thẻ tài khoản trên: 1.638.306.000 đồng (đã nộp vào tài khoản Sở tài chính thành phố Đà Nẵng)

Ngày 23/2/2022, ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh thành phố Đà Nẵng có văn bản số 131 về việc trao đổi thông tin thuê cho thuê, mua bán tài khoản ngân hàng, theo đó có ý kiến như sau: “Chủ tài khoản thanh toán không được cho thuê, cho mượn tài khoản thanh toán của mình”, việc cá nhân, tổ chức sử dụng thông tin về tài khoản của mình mở tài khoản thanh toán cho người khác thuê, mượn là hành vi vi phạm quy định tại Thông tư 23/2014/TT-NHNN ngày 19/8/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2022/HS-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị A, Lê Thị B phạm tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng”.

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 291; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị A 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 291; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị B 04 (Bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo bản án.

Trong hạn luật định ngày 13/01/2023, các bị cáo Nguyễn Thị A và Lê Thị B cùng có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo; xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo. Ngày 07/4/2023, các bị cáo có Đơn xin nộp tiền tạm ứng, theo đó, các bị cáo đề nghị xem xét chuyển hình phạt từ tù giam sang phạt tiền và mỗi bị cáo nộp 01 Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn với số tiền 50.000.000 đồng trong thẻ để tạm ứng cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2022/HS-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo A và B về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng” theo điểm a, d khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo A 06 tháng tù, xử phạt bị cáo B 04 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật; các mức án trên là có căn cứ, còn nhẹ so với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp sơ thẩm; việc xử phạt tù đối với các bị cáo là cần thiết để cải tạo giáo dục các bị cáo và để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo A và B thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng; giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và nội dung kháng cáo bổ sung, xin Hội đồng xét xử xem xét chuyển hình phạt của các bị cáo từ hình phạt tù sang hình phạt tiền, cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, chăm sóc gia đình và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Từ tháng 5 năm 2021 đến tháng 9 năm 2021, thông qua mạng xã hội Facebook, bị cáo Nguyễn Thị A đã lập và mua tổng cộng 83 thông tin về tài khoản ngân hàng (trong đó có 05 thông tin tài khoản ngân hàng đứng tên bị cáo và 78 thông tin tài khoản ngân hàng đứng tên người khác) mà không được sự cho phép của ngân hàng hoặc cơ quan có thẩm quyền rồi bán cho đối tượng mua các tài khoản ngân hàng (chưa xác định) thu lợi bất chính số tiền 114.100.000 đồng. Bị cáo Lê Thị B nghe theo đề nghị của bị cáo A, đã lập và mua tổng cộng 66 thông tin về tài khoản ngân hàng (trong đó có 09 thông tin tài khoản ngân hàng đứng tên bị cáo và 57 thông tin tài khoản ngân hàng đứng tên người khác) mà không được sự cho phép của ngân hàng hoặc cơ quan có thẩm quyền rồi bán cho Nguyễn Thị A để A bán lại cho người khác, B thu lợi bất chính số tiền 78.050.000 đồng.

Với hành vi như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng” theo điểm a, d khoản 2 Điều 291 Bộ luật Hình sự, phạm tội thuộc trường hợp “Mua bán từ 50 tài khoản đến dưới 200 tài khoản” và “Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”; đồng thời áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ bảo mật thông tin của ngân hàng và tạo điều kiện cho việc thực hiện các hành vi trái pháp luật khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi mua bán trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng của người khác bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi cho bản thân nên cần phải xử lý nghiêm. Việc các bị cáo đề nghị áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với quy định của pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật của Tòa án nhân dân tối cao.

Mặc dù tội phạm mà các bị cáo bị truy tố và xét xử là tội ít nghiêm trọng, nhưng các bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên, phạm tội theo 02 tình tiết định khung quy định tại khoản 2 của Điều luật. Tội phạm các bị cáo thực hiện gây nhiều hệ quả xấu cho xã hội, tiếp tay cho nhiều loại tội phạm có sử dụng công nghệ cao như đánh bạc, lừa đảo, rửa tiền hoặc các hành vi phạm pháp khác, nên việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội là cần thiết để cải tạo giáo dục các bị cáo, đặc biệt là để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Các mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp, thậm chí là nhẹ so với đề nghị của Viện kiểm sát cấp sơ thẩm. Tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới, không có tình tiết giảm nhẹ gì mới. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, mà giữ nguyên bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Do không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc đề nghị chuyển sang hình phạt tiền, nên việc phong tỏa tài khoản số 0010367xxxxx của Nguyễn Thị A và tài khoản số 0010367xxxxx của Lê Thị B là không cần thiết. Do vậy, Hội đồng xét xử tuyên hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/HSPT-PTTK ngày 07/4/2023 và Lệnh

phong tỏa tài khoản số 02/HSPT-PTTK ngày 07/4/2023 đối với các số tiền 50.000.000 đồng mà các bị cáo Nguyễn Thị A và Lê Thị B đã mở thẻ tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – chi nhánh Đà Nẵng.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Do không được chấp nhận kháng cáo, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị A và Lê Thị B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Căn cứ: Điểm a, d khoản 2 Điều 291; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị A 06 (Sáu) tháng tù** về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ: Điểm a, d khoản 2 Điều 291; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thị B 04 (Bốn) tháng tù** về tội “Mua bán trái phép thông tin về tài khoản Ngân hàng”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về biện pháp cưỡng chế: Tuyên hủy bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản số 01/HSPT-PTTK ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với tài khoản số 0010367xxxxx, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng của Nguyễn Thị A và Lệnh phong tỏa tài khoản số 02/HSPT-PTTK ngày 07/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với tài khoản số 0010367xxxxx, mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng của Lê Thị B; các bị cáo có toàn quyền sử dụng số tiền có trong tài khoản của mình.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Thị A, Lê Thị B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND quận Sơn Trà,
- Cơ quan CSĐT CAQ Sơn Trà;
- TAND quận Sơn Trà;
- Cơ quan THADS quận Sơn Trà;
- Sở Tư pháp TPĐN;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Minh Long